

Một số sự thật về

ANH EM HỌ NGÔ VÀ CHẾ ĐỘ CỘNG HÒA I

Qua tác phẩm:

Dòng Họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt

Hồi ức của một nhân chứng trực tiếp, Nguyễn Văn Minh, 2003

Tôn Thất Thiện

o o o

I – Nói thay “những người không có khả năng tự vệ”

Sau cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963, số sách báo nói về Ông Ngô Đình Diệm, Gia đình Họ Ngô, và Chế độ Việt Nam Cộng Hoà I nhiều có thể nói đếm không hết. Các sách báo này đưa nhau chỉ trích, tố cáo, kết tội Ông Diệm, anh em Ông và những người đã vì đất nước hăng hái phục vụ Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hoà. Nhiều tác giả các sách báo đó dùng những lời lẽ hung hăng, đưa ra những lời chỉ trích, tố cáo, buộc tội nặng nề dựa trên những đồn đãi vu vơ, phóng đại, bịa đặt không được kiểm tra cân nhắc. Trong khi đó, về phía bị cáo, không có người lên tiếng, vì những người bị cáo chính—các Ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn—đã bị giết, và những người có quan hệ với Chế độ Việt Nam Cộng Hoà I bị những giới tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc lật đổ Chính Phủ Ngô Đình Diệm—Chính quyền “Quân Đội Cách Mạng” và những phần tử chống Chế độ Ông Diệm—uy hiếp, đe dọa, tố giác, phải im hơi lặng tiếng.

Những giới “Cách mạng” và chống đối trên đây tin rằng lật đổ Ông Diệm xong, họ sẽ mang lại an ninh, no ấm, hạnh phúc, cho Miền Nam. Nhưng đó là ảo tưởng. Hệ quả của sự lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm càng ngày càng rõ rệt: tình hình Miền Nam

Việt Nam càng ngày càng suy sụp, rối loạn; cơ cấu dân sự cũng như quân sự của Miền Nam tan rã, mở đường cho Cộng Sản tung hoành. Năm 1965, quân cộng đến sát Sài Gòn (Đông Xoài), khiến Tổng Thống Johnson phải đưa quân Mỹ can thiệp ồ ạt trực tiếp vào Việt Nam. Nhưng sự can thiệp này làm cho Miền Nam Việt Nam hoàn toàn mất chính nghĩa, và bảo đảm cho sự thắng trận của Cộng Sản, buộc hàng triệu người Miền Nam phải bỏ xứ chạy ra ngoại quốc tỵ nạn trong thời gian sau tháng 4 năm 1975.

Những người tỵ nạn —“boat people”— gồm cả những người đã ủng hộ Chế Độ Cộng Hoà I lẫn những người đã ủng hộ và tham gia đảo chính tháng 11, 1963. Một số người đảo chính không chối cãi được trách nhiệm của mình trong vụ giúp Cộng sản xâm chiếm Miền Nam đã viết hồi ký để biện minh cho mình, bằng cách tự tâng bốc mình, bôi xấu, hạ bệ và đổ lỗi cho người khác, đặc biệt là những đồng chí của họ trong cuộc đảo chính tai hại cho nước, cho dân. Trong sự đổ tội bôi xấu này, họ không do dự bịa đặt, bóp méo sự thật, vu khống, và dùng ngôn ngữ rất hạ cấp, thô bỉ. Tất nhiên, họ không quên Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Chế độ Việt Nam Cộng Hoà I, mà họ cũng đã một thời hăng hái khúm núm phục vụ, được nâng đỡ cất nhắc, và hưởng nhiều đặc ân, lợi lộc.

Về phía những người thuộc Cộng Hoà Việt Nam I, sự kiện Miền Nam bị lọt vào tay cộng sản đặt họ vào một vị trí khác trước 1975: vị trí của những người có lý do chính đáng để tố cáo những kẻ đã tổ chức và ủng hộ sự lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, vì sự thực quá rõ ràng, không thể nào làm ngơ và chối cãi được. Nhưng trong những năm đầu họ phải lo làm lại cuộc đời vì họ đã phải bỏ xứ chạy ra ngoại quốc với hai bàn tay trắng nên họ không lên tiếng được. Phần khác, và quan trọng hơn, những người biện hộ thực sự hữu hiệu cho Ông Ngô Đình Diệm, gia đình Ông, và chế độ Việt Nam Cộng Hoà I không phải là những người thực sự thân cận với Ông và gia đình Ông trong khi chỉ có tiếng nói của những người như vậy mới có uy lực, vì, là nhân chứng trực tiếp và thân cận, họ mới biết rõ và hiểu rõ được những gì đã xảy ra.

Tất nhiên, rất ít người hội đủ những điều kiện trên. Sau 1975, cũng có một số sách, báo biện hộ cho Ông Diệm, gia đình, và chế độ của Ông, nhưng những sách báo này không có tác động thực sự thuyết phục được độc giả, vì tác giả không phải là nhân chứng trực tiếp và là những người có đủ uy thế để làm cho người đọc tin rằng

tiếng nói của họ có thể coi như là tiếng nói của anh em Ông Diệm. Còn một điều kiện nữa, cũng không kém phần quan trọng, là tiếng nói của họ phải được tin là trung thực, không bịa đặt, không thêu dệt, không thổi phồng, không xuyên tạc, vì tình cảm hay ân oán riêng.

Chỉ trong vài năm gần đây mới có vài tác phẩm thuộc loại thật khả tín. Năm vừa qua tôi đã được đọc, và đã giới thiệu cùng quý vị hồi ức *Nhớ Lại Những Ngày Ở Cận Tổng Thống Ngô Đình Diệm* (San Diego, 2003) của Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, một người đã được may mắn nhận lệnh trực tiếp của Tổng Thống Diệm trong những giờ cuối cùng của Ông ấy. (Bài giới thiệu đó đã được phổ biến trong dịp Lễ Tưởng Niệm Tổng Thống Diệm năm ngoái). Cũng năm vừa qua, một tác phẩm khác đồng loại, nhưng có tầm còn quan trọng hơn, cũng được ra đời, nhưng tôi không kịp giới thiệu cùng quý vị. Đó là tác phẩm *Dòng họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt*, hồi ức của ông Nguyễn Văn Minh,

Hồi Ưc này có một tầm quan trọng rất lớn vì ông Minh là một nhân vật khá đặc biệt: ông là một trong vài người có thể nói là thân cận nhất của gia đình Ông Diệm còn sống sót ngày nay và có khả năng viết lách. Ông làm việc bên cạnh ông Ngô Đình Cẩn từ ngày văn phòng của ông Cẩn mới thành lập (1956) cho đến khi nó bị giải tán (1963). Ông đã tiếp xúc với Ông Cẩn từ năm 1954 và tới lui với gia đình ông đến ngày ông bị xử tử, tháng 5 năm 1964. Ngoài ở Văn phòng “Ông Cố Vấn Chi Đạo” Miền Trung, hầu hết những ai ra vào Ông Cẩn, để bàn việc gì, đều phải qua ông. Do đó, ông biết rõ những nhân vật và những sự việc liên quan đến Ông Cẩn, và tất nhiên, với chế độ Việt Nam Cộng Hoà I. Có thể so ông với ông Võ Văn Hải, Chánh Văn Phòng của Tổng Thống Diệm, nhưng ông Hải đã bị bỏ mình trong lao tù Cộng sản, và như vậy, có thể nói rằng nay ông Minh là một người rất hiếm hoi mà tiếng nói phản ánh trung thực nhất quan điểm của anh em Họ Ngô.

Cần nhấn mạnh rằng điều vừa nêu trên đây là điều đặc biệt nhất về hồi ức của ông Minh. Trong “Lời nói đầu”, Ông nói rằng sau cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963 “nhiều cơ quan ngôn luận đua nhau phổ biến những tài liệu nguy hại kích động lòng hận thù...” Vì ông được biết về “truyền thống, nền nếp, tinh thần phục vụ và những cống hiến cho đất nước và dân tộc” của anh em Họ Ngô,

và vì ông ấy “cũng được chứng kiến, nghe biết về những biến chuyển tại Miền Trung suốt thời Đệ I Cộng Hoà và cách đối xử của chính quyền” cho nên ông có đủ điều kiện để thấy được “nhiều câu chuyện, nhiều bài viết được phổ biến ở trong và ngoài nước vào thời gian ấy không đúng *Sự Thật*, thậm chí gian xảo”. Sau 1975, những *Sự Thật* đã bị xuyên tạc đó “vẫn được một số tác giả người Việt cũng như người ngoại quốc, vì mục đích riêng tư, sử dụng trong tác phẩm của họ như những *Thực Chứng*, bất kể đến hậu quả tai hại đến tinh thần Đoàn Kết Quốc Gia, một yếu tố quyết định *Sự Sống Còn* của dân tộc”. Hành động xuyên tạc *Sự Thật* ấy là “những việc làm không lương thiện, ác độc và bất công” đối với “những người không có khả năng tự vệ” [nghĩa là anh em Họ Ngô, đã khuất]. Ông Minh nói ông đã viết *Hồi Ưc* này:

“vì theo lương tâm tôi, tôi tự thấy có bổn phận phải đóng góp phần mình, dù nhỏ nhoi, vào công cuộc giải trừ những lừa dối đối với lịch sử, với các thế hệ mai sau; hoá giải những độc tố vẫn còn tiếp tục gậm nhấm, tàn phá tinh thần “Đoàn Kết Quốc Gia của dân tộc”.

Tướng cần nhân mạnh ở đây rằng tính cách khả tín của tập *Hồi Ưc* này được bảo đảm vì ông Minh không được hưởng lợi lộc, ân huệ đặc biệt gì của ông Cần và chế độ trong suốt 8 năm trời ông phục vụ ở Văn phòng ông Cần. Ông mang quân hàm đại úy ngày được Quân đội biệt phái làm Văn phòng đó, ngày 1-1-1956, và vẫn mang quân hàm đại úy đến ngày đảo chánh 1-11-1963, và cho đến giữa năm 1968. Suốt thời gian đó, ông cũng không được ban thưởng huy chương hay ân huệ gì khác, trong khi một số sĩ quan cũng mang quân hàm đại úy năm 1954, đến năm 1963 đã lên cấp Tá hay cấp Tướng và ngược mang đầy huy chương. Ngày 30-4-1975, ngày Miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, ông chỉ là Trung Tá....

Cho nên, ta có thể tin rằng ông Minh không viết *Hồi Ưc* này vì mạng mặc cảm tội lỗi, hay vì để ghi ơn anh em Họ Ngô, mà chỉ để thay họ, “những người không có khả năng tự vệ”, nói lên một số sự thật về họ và Chế độ Việt Nam Cộng Hoà I, nhằm giải toả một số ngộ nhận về họ, và thực hiện *Đoàn Kết Quốc Gia*. Trong tinh thần này, *Hồi Ưc* không chỉ nhằm tái lập sự thực về anh em Họ Ngô, mà lại là một lễ vật dâng hương hồn “Các Vị Anh Hùng, Các Chiến Sĩ Mọi Cấp Mọi Ngành Đã Hy Sinh Xương Máu Và Mạng Sống Cho Nền Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ, Chủ Quyền Của Tổ Quốc và Dân

Tộc Việt Nam”, “Tất Cả Ai Đang Và Sẽ Tranh Đấu Cho Một Việt Nam Thật Sự Đoàn kết, Độc Lập, Tự Do Dân Chủ, Phú Cường”. Cuối cùng nó cũng được viết cho giới trẻ, ngày mai của Nước Việt Nam.

Cũng vì mục đích chính của *Hồi Ức* này là góp phần vào Đoàn Kết Quốc Gia, ông Minh đã tránh viết bừa, và hết sức thận trọng về trình bày sự kiện và xử dụng ngôn ngữ, để tránh gây hiểu lầm. Đặc biệt về điểm này, khác hẳn với các “hồi ký”, “hồi ức” khác đã xuất bản trong quá khứ, sách được viết một cách bình tĩnh, không có những lời lẽ hung hăng, bất nhã, hay tục tĩu, tội bại, những lời buộc tội vu vơ có tính cách mạ lỵ vu khống, mà ta hằng thấy. Sách này viết xong từ năm 1993, nhưng vì các lý do trên, ông Minh đã kiên nhẫn sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu lần, mãi đến năm 2003, 10 năm sau, ông mới cho in và phát hành. Đây lại thêm một sự bảo đảm nữa về tính cách đứng đắn, khả tín của quyển hồi ức này.

Sách dài 586 trang, chia làm 5 chương, cộng với 6 phụ bản. Hai chương nói về Ông Ngô Đình Cẩn: Chương I nói về “duyên tri ngộ” của ông Minh với Ông Cẩn, con người và vai trò của Ông Cẩn trong công cuộc chống Cộng; Chương IV nói về cái chết của Ông Cẩn và sự liên quan của Tướng Nguyễn Khánh với sự kiện này. Chương II nói về “Biên cố cờ Phật Giáo”. Chương III nói về “Cuộc đảo chánh 1-11-1963”, và vai trò của “Ngũ Đại Trụ” – 5 ông Tướng đã đóng vai trò chủ chốt trong cuộc đảo chánh. Chương V nói về “Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng”, con người Ông Ngô Đình Nhu và lý thuyết “Cần Lao Nhân Vị” của Ông.

Hồi Ức gồm có 6 phụ bản:

Phụ bản I: “Hoạt Động của Đoàn Công Tác Đặc Biệt” và “Hiệu Quả Của “Chính Sách cải Tạo và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”.

Phụ bản II: “Bội phản hay Chân Chính”, đưa ra những nhận xét về ĐCTĐB từ phía Cộng Sản.

Phụ bản III: “Dụ số 10, 1950”, liên quan mật thiết đến vụ Phật Giáo đấu tranh năm 1963.

Phụ bản IV: Bài “Một thời vang bóng” của Ông Hà Vĩnh Phương, cựu Đại sứ Việt Nam tại Đức, và phụ tá của Đại sứ Bưu Hội, Đặc Phái Viên của Tổng Thống Việt Nam bên cạnh Liên Hiệp

Quốc về vấn đề Phật Giáo.

Phụ bản V: Thơ của Thượng nghị sĩ Thomas J. Dodge lưu ý các Thượng Nghị Sĩ Hoa Kỳ về các xuyên tạc về vụ Phật Giáo.

Phụ bản VI: “Lược đồ cải tổ cơ cấu xã hội” trích từ Tạp chí *Xã Hội*, số ra mắt, năm 1952.

Tầm quan trọng lịch sử của các Phụ Bản trên đây hết sức lớn: đây là những tài liệu rất quan trọng cho sự nhận định, phán xét về chính sách và thành quả của anh em Họ Ngô trong công cuộc trừ Cộng, bảo vệ an ninh cho Miền Nam trong thời gian họ cầm quyền.

II. Nội dung

Trong tập *Hồi Ưc Dòng Họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt*, ông Minh nói về 3 đề tài chính: 1/ Ông Ngô Đình Cẩn, con người, công việc, và cái chết của Ông; 2/ Vụ Phật giáo và Vụ đảo chính năm 1963; 3/ Ông Ngô Đình Nhu và Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng.

1/ Ông Ngô Đình Cẩn

Trong phần nói về Ông Cẩn, tất nhiên Ông Minh nhắc đến bối cảnh gia đình của Ông Cẩn, và đặc biệt là Cụ Ngô Đình Khả, thân phụ của Ông. Về điểm này, ông Minh đã đưa ra một số chi tiết phủ định những xuyên tạc của một vài người, hoặc vì muốn cho dư luận quên rằng họ đã hằng bợ đỡ anh em Họ Ngô, hoặc vì cuồng tín về tôn giáo, muốn bôi xấu một nhân vật thuộc một tôn giáo mình không ưa thích, về một con người đáng kính.

Ông Minh đưa ra nhiều chi tiết cho ta thấy rằng Cụ Ngô Đình Khả là một người đã được hấp thụ cả văn hoá Đông Phương lẫn Tây Phương, đã có tầm thấy rộng nhờ được ra ngoại quốc —một điều rất hiếm vào cuối thế kỷ XIX—, và do đó, đã hiểu được nhu cầu canh tân xứ sở trên căn bản kết hợp Đông-Tây, và nhất là nhu cầu cải tổ nền giáo dục cho thích hợp với thời đại. Cụ là người đã đóng góp lớn vào sự sáng lập Trường Quốc Học và phổ thông hoá một chương trình học dùng cả ba ngôn ngữ Hán, Pháp, Việt La-tinh hóa (Quốc ngữ). Và Cụ là một người chung thủy, khí khái: tuy là người theo Đạo Công Giáo, Cụ đã cương lại áp lực của chính quyền Bảo Hộ Pháp từ chối ký vào kiến nghị truất phế Vua Thành Thái, và do đó, đã bị tước hết chức hàm và phải sống một cuộc sống cơ cực trong 12 năm trời. Cụ đã giữ được Đức Trung, đức tính cao cả nhất của đạo lý của thời đại đó. Cuối cùng, Cụ đã dạy dỗ con cái giữ đúng khuôn

phép đạo lý Không Mạnh, liêm khiết, yêu nước, yêu dân, đồng thời
tiêm nhiễm tinh thần độc lập, canh tân và cải tiến.

Hình ảnh Cụ Ngô Đình Khả được ông Minh phác họa đủ gọi cho
ta thấy rằng con cái một nhân vật như vậy không thể là tầm thường,
làm những việc hại dân hại nước mà một số người ác tâm đã gán cho
họ sau ngày 1-11-1963.

Do đó, cũng không lạ gì nếu hình ảnh của Ông Ngô Đình Cẩn
được trình bày trong *Hối Ưc* của Ông Minh cũng khác với hình ảnh
của Ông ta đã được phổ cập trước đây. Ít nhất, nó đưa ra một cách
nhìn khác, nếu không nói là mới, mà ai muốn hiểu rõ những biến
chuyển lịch sử Việt Nam trong những năm từ 1954 đến nay cần biết
để có một nhận định chính xác, cân bằng, và công bằng hơn...

Ông Minh nhận xét rằng: “Sau cuộc đảo chánh 1-11-1963, một
số người và sách báo đã nói nhiều điều xấu xa, tội lỗi cho ông Ngô
Đình Cẩn. Ngoài những điều bịa đặt, một vài điều đã được thổi
phồng lên một cách quá đáng, hoặc cố ý diễn dịch sai lạc” (tr. 34)

Ông Minh trích dẫn một số thí dụ, đứng đầu là câu chuyện của
Tướng Trần Văn Đôn, một người đã thường ra vào Ông Cẩn trong
thời trước 1963, và đáng lý ra phải biết rõ về Ông ta. Đó là chuyện
Ông Đôn viết về “khu nhà mát” của ông Cẩn ở phía Tây Phá Tam
Giang, mà trong hồi ký của ông, *Việt Nam Nhân Chứng*, Tướng Đôn
nói là khu nhà này ở “trên bờ biển Thuận An”.

Ông Minh nói: “Những đoạn văn tướng Đôn tả địa điểm của
mấy căn nhà này đọc lên nghe quả là thơ mộng. Nhưng rất đáng tiếc
đó toàn là những điều sai sự thật.” Ông Đôn đã viết về con “đường
rãi nhựa” dẫn vào nhà này có “những hàng dừa rũ lá”, bên phải có
“bãi cát trắng phau”, phía bên trái có “nước biển xanh ôm lầy con
đường”. Nhưng thực ra, những Bộ Trưởng, Tướng lãnh đến hàng
thứ dân đến gặp Ông Cẩn ở tại khu nhà này đều biết rằng đường vào
mấy căn nhà ấy “là một con đường cụt, chẳng có cây cối gì”, và đến
1960 ông Cẩn mới cho ươm trồng khoảng hơn 10 gốc dừa, cuối năm
1963, số dừa này cao chưa đến một thước; con đường chỉ rải đá, bên
phải chẳng có bãi cát trắng phau “mà chỉ có cánh đồng sinh lầy”, và
bên trái “chỉ có nước Phá Tam Giang ở gần bờ, nước cạn, lộ rõ màu
đen lờ lờ của bùn”.... (tr. 34-35)

Tướng Đôn nói ông phải cho lính lấy đá về xây một vườn cây trên nước, quanh nhà có xây tường bằng đá bao bọc cho các ghe thuyền không được đến gần. Trên dãy tường đó rải rác các chòi canh. Ông Minh nói những điều trên đây hoàn toàn không đúng.

Ông viết:

“Nếu quả thật Tướng Đôn đã cho xây một vườn cây trên nước và một dãy tường bao quanh khu nhà này, thì dãy tường ấy phải dài tối thiểu từ hai đến ba trăm thước. Tại Việt Nam vào thời kỳ ấy, không biết Tướng Đôn đã dùng kỹ thuật nào để ngăn nước mà xây được một vườn cây và dãy tường dưới dòng nước Phú Tam Giang” (tr. 35)

Tôi đã trích dài dòng trường hợp trên đây vì những chuyện tương tự đã được tung ra trên mặt sách báo trong những năm sau cuộc đảo chánh 1-11-1963, và đã góp một phần quan trọng trong việc tạo ra hình ảnh một ông Ngô Đình Cẩn “lãnh chúa Miền Trung”, hung bạo, cổ xưa, lạm dụng uy quyền xử dụng quân đội để thoả mãn những thú chơi kiêu phong kiến. Những chuyện như vậy được phổ biến trong dư luận vì người bị nói xấu nay là “người không có khả năng tự vệ”, bạn bè thân hữu không hiểu rõ tình trạng, không có uy thế, hoặc không đủ thẩm quyền để phản bác. Nay mới có người, như ông Minh, đủ điều kiện làm việc đó.

Ông Minh cũng có đề cập đến mấy vụ khác cũng đã làm sôi động dư luận thời đó, và cho đến nay. Đó là vụ khám phá mạng lưới GIÁN ĐIỆP PHÁP TẠI MIỀN TRUNG, và vụ TỠ CHỨC ĐIỆP BÁO, QUÂN BÁO VIỆT CỘNG TẠI CẢ MIỀN TRUNG lẫn MIỀN NAM. Ông Minh nói rằng Tướng Đỗ Mậu, trong hồi ký *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* khẳng định rằng hai vụ này “đã được bày ra” để bắt bớ giam cầm, tống tiền những người giàu có. Một vụ nữa cũng làm sôi nổi dư luận hồi đó, và vẫn còn lòng thòng đến nay, là vụ “chín hàm bí mật” để nhốt tù nhân. Ông Minh đã đưa ra những chi tiết về các vụ này. (Xin xem chi tiết ở đoạn sau)

Một trường hợp khác là *Hồi Ký Của Đỗ Thọ*, trong đó Đỗ Thọ nói về số quà Tết mà Ông Cẩn nhận được: “Nào là câu đối, trướng liễn, quà ngon vật lạ dâng lên gia đình họ Ngô” vào dịp Tết, “nhiều đến nỗi chỉ quà cấp Trung ương mới để trong nhà ông Cẩn, còn quà của cấp Tỉnh, cấp Quận và địa phương phải để ở văn phòng Chỉ Đạo...” (tr. 36). Đó là những điều mà Đại úy Đỗ Thọ nói anh ta mục

kích lúc Tổng Thống Diệm ra Huế, ở nhà Ông Cẩn, vào dịp Tết, sau giờ giao thừa, lúc Tổng Thống đọc lại những câu đối, tưởng liền để coi có đũa nào nó chơi chữ với gia đình ông không. (tr. 36)

Ông Minh nói rằng những điều trên đây, và nhiều điều khác nữa, đã được ghi trong hồi ký đó, không đúng sự thật, và ông đặt nghi vấn về tác giả của những điều này, vì hồi ký đã được xuất bản sau khi Đại úy Thọ bị tai nạn máy bay. Theo ông, Đại úy Đỗ Thọ, là tùy viên của Tổng Thống, tất phải biết rõ tình trạng và không thể phạm những sai lầm như vậy được. Đặc biệt là đêm giao thừa Tổng Thống không thể có mặt ở Huế được, vì ngày mùng một Tết ông phải có mặt ở Sài Gòn để nhận lời chúc Tết của Chính Phủ, Quốc Hội, và Ngoại Giao đoàn. Ông Minh nói không có dịp Tết nào ông không có mặt ở Huế, và “Tôi không hề thấy ai đem biếu ông Cẩn câu đối, tưởng liền bao giờ cả. Vật lạ như hươu sao, cả cạp con nữa, thì có. Nhưng không phải là quà Tết, mà là khi một chính quyền địa phương miền núi bắt được những loại thú rừng ấy đem biếu ông. Và tại Văn Phòng Chỉ Đạo, nơi chúng tôi làm việc, chưa hề chứa chấp quà cáp của ông Cẩn, dù chỉ một vài món”. (tr. 37)

Có một điều nữa phổ cập trong dư luận Việt Nam thuộc mọi giới cần đề cập đến khi nói về Ông Cẩn. Nó tóm tắt trong mấy chữ “Ông Cổ Trầu”. Nhưng phía Cộng sản lại có một nhận xét khác. Mười Hương, người chỉ huy mảng lưới Tình Báo Chiến Lược của Hà Nội tại Miền Nam Việt Nam, Miên và Lào, và là một cán bộ cao cấp của ĐCSVN, từng là Ủy viên Trung Ương Đảng, đã phê phán về Ông Cẩn như sau: “Chúng ta lâu nay cứ chê bai thằng Cẩn, rằng nó đi guốc mộc, miệng nhai trầu bồm bồm... chê như vậy không đúng đâu. Thằng Cẩn giỏi lắm, có mưu trí lắm” (tr. 134)

Những điều phân giải của Ông Minh trên đây là một tiếng nói của một người có thẩm quyền nói thay cho “người không có khả năng tự vệ”, và phải được ghi nhận, cứu xét, và cân nhắc bởi những ai tự nhận là sử gia, hay nhà khảo cứu thực sự, đúng đắn, lương thiện.

Theo Ông Minh, ngoài những thiếu sót, sai lầm, của một con người như mọi người bình thường, ông Cẩn là một người “bình dị”; nếp sống của ông “gần gũi với hàng dân dã hơn là với giới quyền quý như nguồn gốc của ông; ông là một người “rất năng động”; thú tiêu khiển của ông là nuôi thú vật, hươu nai, chim, và đi câu; ông ăn

mặc rất sơ sài, khi nào cũng mặc áo bà ba bằng lụa, không bao giờ mặc âu phục, hút thuốc cầm lẹ, ăn trà; di chuyển chỉ dùng xe Jeep, không hề ngồi xe du lịch; ông sống cởi mở, có một cái nhìn rộng rãi về cuộc sống, không quá cổ hủ, khắt khe như người ta đồn đại. Một khía cạnh nữa, ít được biết, và được ông Minh soi sáng, là Ông Cẩn, tuy rằng ít học, nhưng lại rất chú tâm về vấn đề giáo dục và thanh niên, và đã đóng góp nhiều trong việc mở mang giáo dục và hoạt động thanh niên trong vùng.

Những đồn đại cũng mô tả ông Cẩn là “Lãnh Chúa Miền Trung”, hung bạo, tàn ác còn hơn một bạo chúa thời Trung Cổ. Theo giải thích của ông Minh, “một yếu tố quan trọng đã góp phần chính yếu vào việc tô vẽ hình ảnh” này “là mối oán thù tích tụ từ những vụ như Gián điệp Pháp; những thành quả mà sách lược chống Cộng của chế độ Đệ I Cộng Hoà, do ông điều phối tại Miền Trung, đã thu lượm được. Và đặc biệt là từ vụ phá vỡ hai màng lưới Gián điệp và Quân báo của Việt Cộng hoạt động tại Miền Nam Việt Nam.” (tr. 39) Ta sẽ thấy giải thích này có lý, khi ta cứu xét vai trò và thành tích của ông Cẩn trong sự diệt trọn màng lưới tình báo của Cộng sản không những ở Miền Trung mà cả ở Miền Nam nữa. Nhờ đó mà trong những năm sau Hội nghị Genève, Miền Nam Việt Nam đã được sống trong an toàn, no ấm, và tự do, một tự do kém xa với tự do ở Mỹ, nhưng rất rộng rãi, nếu so với tình trạng dân chúng Bắc Việt, ở vùng Cộng sản.

Trước khi đi vào chi tiết của vấn đề này, tưởng cần giải tỏa một số ngộ nhận khác, mà tầm mức quan trọng hơn, vì nó là đề tài của những sự bàn tán sôi nổi trong dư luận thời đó, và vẫn còn làm cho nhiều người thắc mắc ngày nay vì không thấy rõ vấn đề.

Vấn đề thứ nhất là vấn đề lợi dụng danh nghĩa Ông Cẩn để hách dịch và làm tiền, gây tai tiếng cho Ông. Trường hợp điển hình là trường hợp tên Duyên, được phát giác năm 1962. Theo Ông Minh kể

“Tại địa phương [Đà Nẵng] có một người tên là Duyên xưng là mật vụ đặc biệt của Ông Cố Vấn. Trong nhà y thiết trí một bàn thờ Tổ Quốc ngay giữa nhà, trên bàn thờ có để ảnh Ông Cố Vấn. Hắn đã làm tiền nhiều người bằng nhiều hình thức, đến các cơ quan xin thầu đủ thứ... Nghe câu chuyện tôi nghi ngay anh chàng này chỉ là một tên bịp, nhưng lại tự hỏi: Nếu hắn bịp thì ông Thị Trường... có thể gặp Ông Cẩn bất cứ lúc

nào để hỏi. Rồi còn các cơ sở đoàn thể dân sự, các cơ quan công an, cảnh sát địa phương không ai biết hành động của tên này sao? Tại sao không cơ quan nào thắc mắc, báo cáo? Hay hẳn là người của ông Cựu thật?" (tr. 57)

Ông Minh nói ông hỏi ông Trưởng Ty An Ninh Quân Đội Đà Nẵng tên Duyên làm vậy đã lâu chưa, thì được trả lời: Khá lâu rồi, "mà chẳng ai dám đụng tới hẳn...." vì "không dám làm ầu". Khi ông Minh hỏi Ông Cận thì Ông nói rằng không có chuyện đó, và ra lệnh bắt ngay tên bịp. Sau khi hỏi cung y thì được biết như sau:

"Tên này là một đoàn viên Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia địa phương. Trong một dịp đến nhà ông Chủ Tịch, hẳn đã đánh cắp được tấm ảnh ông Cận. Ban đầu hẳn chỉ muốn dùng tấm ảnh hù cho thiên hạ ngán chơi thôi. Không dè, dần dà một số dân làm ăn, nhất là những dân bàn tay không được tron tru lắm, đã đến xin được nấp bóng hẳn. Thấy có vẻ ngon ăn mà lại "hách" nữa, thế là hẳn làm tới luôn". (tr. 58)

Ông Minh kết luận:

"Một vụ lợi dụng lớn như vụ tên Duyên trên đây, xảy ra ngay giữa một thành phố chỉ cách Huế có 100 cây số mà còn không đến được tai ông Cận. Thì việc ông không được biết đến những vụ lợi dụng danh nghĩa ông ở những nơi xa xôi, nhất là tại trên Cao Nguyên hay là trong Miền Nam, cũng là chuyện dễ hiểu.

Đó là hậu quả của thái độ "thủ khẩu như bình" vì sợ bị phiền phức, oán thù, của các cấp chính quyền, cán bộ có trách nhiệm tại địa phương. Thái độ này đã cho thấy rõ tinh thần "cách mạng" của một số không nhỏ đảng viên Cận Lao có chức quyền hồi đó. Nó đã làm thui chột thiện chí của nhiều cán bộ cấp trung và cấp nhỏ, làm cho Đảng Cận Lao, từ năm 1962, gần như hoàn toàn bị tê liệt." (tr. 59)

Tôi đã trích dài dòng về câu chuyện tên Duyên này, vì, cũng như trường hợp Tướng Đôn xuyên tạc về khu nhà mát của Ông Cận, nó tạo nên ác cảm trong dư luận đối với Ông Cận và, tất nhiên, với chế độ. Thật ra, đây là một vấn đề mà không những Ông Cận, mà bất cứ một chính quyền nào khác, đều gặp phải. Các chế độ Việt Nam sau 1963 còn tệ hơn nữa. Và chế độ Cộng sản sau 1975 thì lại phá kỷ

lục. Trong báo chí hàng ngày, ta thấy gần đây có những vụ còn lớn hơn nữa xảy ra ở Nhật, Trung Quốc, Nga, Đức, Pháp, Canada, Hoa Kỳ, gây khó khăn cho chính phủ các quốc gia đó, có khi đưa đến sụp đổ. Riêng tôi, tôi cũng đã kinh nghiệm trực tiếp trường hợp bị kẻ mượn danh nghĩa Ông Cần để hù kẻ khác, không những ở cách Huế 100 km, mà cả hơn mười ngàn cây số, ở Genève, Thụy sĩ! Còn một chuyện nữa về một chàng trẻ lấy danh Đức Cha Thục hù tôi lúc tôi làm chánh sở báo chí Phủ Tổng Thống, nhưng rất tiếc là ở đây không có chỗ để kẻ, ngoại trừ sự kiện là câu đầu tiên mà anh nói khi bước vào văn phòng tôi là: “Tôi mới từ dưới Đức Cha lên đây”....

Như ông Minh nhận xét, thái độ sợ bị phiền phức, oán thù của các cấp chánh quyền, cán bộ có trách nhiệm tại địa phương đã tạo ra tình trạng gây tai tiếng cho chính thể. Tình trạng này lại càng trầm trọng hơn nữa và không những chỉ có ở cấp địa phương, mà ngay ở cấp trung ương, từ năm 1961, lúc nhân viên Chính phủ Kennedy ở Washington và Toà Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam, cùng với một số báo chí thiên tả Mỹ, bắt đầu xì xỏ rằng Chính phủ Mỹ không ủng hộ Chính phủ Ngô Đình Diệm nữa.

Về vấn đề thứ hai, vụ án Gián điệp Pháp, ông Minh cũng đưa ra nhiều chi tiết đối kháng với những nguồn tin tức được phổ cập trước đây, nhất là những tin tức xuất phát từ những nhân vật đảo chánh.

Trong việc bắt bớ, có hai người kêu oan. Khi những lời kêu oan này đến tai Tổng Thống Diệm, Ông đã ra lệnh xét lại, và Ông Cần cũng sốt sắng trong việc này khi được biết như vậy. Nhưng sự kiện Pháp có gài một tổ chức gián điệp trước khi rút đi năm 1957 là có thiệt. Và điều này cũng dễ hiểu: lúc đó bang giao giữa Pháp và Việt Nam đang còn căng thẳng. Sự kiện có một vài viên chức hữu trách lợi dụng chức vụ làm tiền các phạm nhân cũng đúng. Trong số viên chức này có một người “khá thân tín” của Ông Cần, nhưng đã bị Ông loại bỏ. Ông Minh cho biết: “Khi được biết một người thân cận của mình mưu tính đặt giá cho việc xin cho ông [Nguyễn Văn] Yên được tại ngoại, Ông Cần đã nhờ Khu An Ninh Quân Đội tìm cách ghi âm cuộc trả giá này... Sau khi nhận được cuốn băng, Ông Cần đã mời người can dự đến cho nghe, và từ đó Ông không còn tin dùng người ấy nữa.” Về các chi tiết khác, xin đọc *Hồi ức*, (tr. 80-87) Dù sao tổ chức gián điệp Pháp có thật, và Chính Phủ Pháp đã thú nhận sự việc bằng cách thương lượng xin lãnh các tội nhân và đưa họ và gia đình sang Pháp.

Vụ án Gián điệp Pháp Miền Trung liên hệ mật thiết với vụ “9 hầm”. Ông Minh nói rằng sau ngày đảo chánh 1-11-1963, một số báo chí tại Miền Nam “đã đua nhau mở một chiến dịch, khai thác thổi phồng dư luận cùng vụ án Gián điệp Pháp tại Miền Trung” với những chuyện rùng rợn như: “hàng ngàn bàn tay của những người bị bắt giam chết, còn nhầy nhựa tại khu chín hầm”. Có tài liệu viết và nhiều người nói 9 cái hầm này do Ông Cẩn làm ra để giam giữ những người đối lập. “Đó là hoàn toàn sai sự thật”. Ông Minh đã đưa ra những chi tiết để làm sáng tỏ sự thật.

Sự thật là: 9 cái hầm nói trên do người Nhật xây cất để chứa đạn, ở trên một cái đồi gần Đền Nam Giao. Mỗi hầm cao 2 thước, rộng khoảng 4 thước, sâu chừng 6 thước. Khu đồi này sau một người Tàu mua, rồi bán lại cho Ông Cẩn. Ông cho sửa lại để nuôi hươu. “Sau này có mấy cán bộ cao cấp của cộng sản bị bắt... vì phải giữ bí mật việc họ đã bị bắt, nên họ được giam trong mấy hầm này”. (tr. 89-91)

Những việc trên đây dính liền với Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung (ĐCCTĐBMT). Ở đây có một điều lạ kỳ cần được nhấn mạnh và giải thích là trong khi, về phía Cộng sản, những giới cao cấp của Đảng thú nhận rằng đây là một tổ chức “kỳ diệu” thì, về phía Quốc Gia, tổ chức này được mô tả như là “một tổ chức được ông Ngô Đình Cẩn lập ra để chuyên theo dõi, bắt cóc, thủ tiêu đối lập và tổng tiền những người giàu có”.

Khung cảnh hạn chế của bài này không cho phép đi vào chi tiết. Tôi chỉ nêu lên một số điểm quan trọng nhất giúp ta hiểu rõ hơn tại sao phe ta bị đánh bại trong khi những nhân viên đặc trách về an ninh đạt được những thành quả phi thường, mà phe cộng sản phải cho là “kỳ diệu”. Các chi tiết khác, mà ai cũng nên biết, vì nó soi sáng nhiều khía cạnh quan trọng của lịch sử Việt Nam không những về giai đoạn 1954-1963, mà về mấy chục năm sau đó, và đến ngày nay, đặc biệt là để trả lời câu hỏi: “Tại sao ta lại phải sống tha hương thế này?” được trình bày đầy đủ trong các Phụ bản I và II, và những trích dẫn khá đầy đủ của Ông Minh ở những trang 87-134.

Trọng tâm của vấn đề là Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung (ĐCCTĐBMT), hay là Đoàn Công Tác Đặc Biệt (ĐCCTĐB), do ông Cẩn sáng lập, và ông Dương Văn Hiếu chỉ huy. Tổ chức này rất ít người biết đến. Tôi thú thực là chính tôi cũng không hề biết đến nó.

Như nhiều người khác, tôi chỉ nghe nói đến “Tổ chức Mật vụ của Ông Cẩn” hay “Nhóm mật vụ Dương Văn Hiếu”, kèm theo những phê phán không được tốt đẹp. Tuy là ra vào Dinh Độc Lập, và gặp Tổng Thống Diệm hoặc Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu mỗi ngày, tôi không hề nghe bàn đến tổ chức này, hay cả về Ông Cẩn. Chỉ một lần một, tôi được nghe Tổng Thống Diệm bàn về Ông Cẩn, như sau: “Ông Cẩn là người có công: ông đã làm cho Miền Trung sạch hết Cộng sản”. Tôi nghe Tổng Thống nói thì cũng để bụng, nhưng thật ra tôi vẫn không hiểu nhiều về Ông Cẩn. Cho đến lúc được đọc *Hồi Ưc* của Ông Minh tôi mới thấy rõ mối liên hệ giữa Ông Cẩn và vấn đề trả lời dứt khoát câu hỏi nêu ở đoạn trên, nhờ những thú nhận của cán bộ cao cấp phe Cộng sản sau năm 1963 và sau năm 1975, nghĩa là sau vụ đảo chánh 1-11-1963, và sau ngày họ chiếm đóng Sài Gòn ngày 30 tháng 4, năm 1975, về tình trạng điều đứng của họ do ĐCTĐB gây ra trong những năm 1956-1963.

ĐCTĐB là con đẻ của Ông Cẩn. Nó được thành lập với sự chấp thuận của Tổng Thống Diệm năm 1957 để thực hiện một chính sách chiêu hồi đặc biệt do Ông đề xướng. Chính sách này là “Chiêu Mồi và Sử Dụng Những Người Kháng Chiến Cũ”. Danh từ “Chiêu mồi” sau được đổi là “Cải tạo”, theo đề nghị của những người Cộng sản bị bắt. Đoàn này được đặt dưới quyền chỉ huy của ông Dương Văn Hiếu, một nhân viên thuộc Nha Công An Cảnh Sát Trung Phần. Trên căn bản, đây là một tổ chức an-ninh, tình báo chống Cộng, nhưng, Ông Hiếu giải thích, nó áp dụng “một phương pháp khai thác, một chế độ nhà tù đặc biệt: một kỹ thuật khai thác giam giữ đặc biệt, không giam giữ trong các nhà lao, không cùm, không còng”. Nó khai thác các cán bộ Cộng sản bị bắt “bằng phương pháp mạn đàm, trao đổi, tranh luận, khai thông tư tưởng, cởi mở” nhằm thuyết phục họ “dứt bỏ cái đuôi Cộng sản” đã bị người ta lừa bịp rập vô cho họ, rồi cùng nhau xây dựng một đất nước thực sự Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ. Một xã hội thực sự công bằng, hạnh phúc, ấm no cho chính mình, vợ con, xóm làng, dân tộc mình thụ hưởng”, như chính Ông Cẩn nói với họ trong một dịp tiếp xúc với họ. (tr.101) Ngay cả ông Ngô Đình Nhu cũng đã có ra Huế tham dự đối thoại như vậy với cán bộ Cộng sản cao cấp bị bắt. Mục đích, như chính Ông Cẩn nói với cán bộ bị bắt, “không phải là lòng sục để bắt cán bộ Cộng sản. mà là phát hiện, phát giác, rồi chiêu mồi các anh em ấy về hợp tác, cùng với mình xây dựng đất nước, cải tạo cái xã hội lạc hậu,

bất công này” (tr. 103). Thực sự, mục đích là làm cho họ “chuyên hướng”, nhưng một khi đã chuyên hướng, họ được trả cấp bậc và sử dụng trong những chức vụ tương đương, và ngay cả trong ĐCTĐB. (Về chi tiết xin xem đoạn “A- Về chính sách Cải tạo và Sử dụng những người kháng chiến cũ và Đoàn Công Tác Đặc Biệt”, các trang 104 và kế tiếp, và Phụ bản I, tr. 448 vkt.).

Về thành quả, thì như Ông Hiếu nói, phương pháp khai thác này “tỏ ra hiệu nghiệm đem lại kết quả tốt đẹp”. Phán xét này không phải là một phán xét chủ quan, thuộc loại tự tăng bốc, khoác lác. Không những phía cộng sản đã xác nhận như vậy, mà họ còn đi xa hơn nữa. Chúng ta may mắn được Ông Minh cung cấp cho những tài liệu do chính phía Cộng sản soạn. Trong đó có hai tài liệu có một giá trị lịch sử rất lớn, vì nó phản bác lại những nguồn tin xuất phát từ trong hàng ngũ Quốc Gia nhằm bôi lọ chế độ Việt Nam Cộng Hoà I, nhưng thật ra là có tác động góp phần vào sự sụp đổ Miền Nam Việt Nam. Những tài liệu quan trọng nhưt trong số tài liệu được ông Minh nói đến là: *Đoàn Mật Vụ Ngô Đình Cẩn* (ĐMVNĐC), một tài liệu học tập nội bộ, và *Bội Phản Hay Chân Chính* (BPCC), của nhóm Tình Báo Chiến Lược, Quân Báo và các ngành khác của Việt Cộng từng bị ĐCTĐB bắt, mà tập biên là một cán bộ kỹ cữ của ngành Tình Báo Chiến Lược Việt Cộng, Dư Văn Chất, đã bị ĐCTĐB bắt.

Dưới đây là một số phê bình của phe Cộng sản về ĐCTĐB:

Phe Cộng sản công nhận ĐCTĐB là “một cơ quan an ninh đích thực”, một “Cơ quan mật vụ có một không hai” và, về mặt nghiệp vụ và hiệu quả, “kỳ diệu”. Trong BPCC, họ viết:

“Thành tích chống Cộng của Mật Vụ Ngô Đình Cẩn-Dương Văn Hiếu thật *diệu kỳ*.”

Chúng đánh thẳng vào cơ quan đầu não của các Đảng bộ miền Trung như Liên Khu Ủy Năm, Tỉnh ủy Thừa Thiên, Thành ủy Huế rồi Đà Nẵng. Tiến xuống phía Nam, chúng tấn công cơ sở Đặc Khu Sài Gòn Chợ Lớn, Thủ Biên, Cần Thơ. *Nổi bật nhất là Mật vụ miền Trung đánh bắt gọn các lưới Tình Báo Chiến Lược của ta trải suốt từ Bến Hải đến Sài Gòn trong vòng chỉ có một năm*” (BPCC, tr. 2) (tr. 124)

Một đoạn khác, cần làm cho những người đã chủ trương, ủng hộ

và tán thành sự lật đổ chế độ Việt Nam Cộng Hoà I suy ngẫm, là:

“Phải công nhận bọn mật vụ Ngô Đình Cần có giỏi thật... Tại sao mình không dám nói là địch giỏi —nếu thực nó giỏi— mà cứ phải nói vòng quanh chơi chữ để hạ thấp nó xuống và tìm cách che đậy, tự tôn mình lên? Nó nắm vững mình từ tổ chức, phương châm công tác, quy luật hoạt động tới tâm lý và quy luật tư tưởng. Nó rành cả cách Đảng ta xử lý cán bộ bị bắt và sau khi ra tù. Mình đánh giá địch quá thấp, chỉ vì bảo thủ, giáo điều, một chiều, chỉ vì bất động trong khi địch thì thiên biến vạn hoá – đặc biệt là về ngành an ninh, tình báo, công an” (BPCC, tr. 113).

Một điều cần được ghi, để làm sáng tỏ trách nhiệm về thất bại của Miền Nam Việt Nam năm đầu, là việc đầu tiên mà các tướng lãnh đảo chánh làm là *bắt giam tất cả nhân viên ĐCTĐB và trả tự do cho tất cả các cán bộ tình báo Chiến Lược và Quân Báo VC đang bị giam giữ*. (tr. 126, 115, 460) Những tên tình báo này trở lại hoạt động, xâm nhập các cơ quan chính phủ Miền Nam, kể cả Phủ Tổng Thống, và năm 1975 họ dẫn đầu các đoàn quân Việt Cộng xâm nhập tấn công Sài Gòn....

Nếu các tướng lãnh đảo chánh đối xử tàn tệ với ĐCTĐB, là những người có công rất lớn trong công cuộc chống Cộng, thì ta không nên ngạc nhiên gì về việc họ giết ông Cần, nhất là sau khi họ đã giết hai ông Diệm và Nhu. Đó là ta không nói đến thái độ của Đại sứ Cabot Lodge và Chính phủ Kennedy. Tuy nhiên có một khía cạnh khá đặc biệt của vấn đề này là vai trò của Tướng Nguyễn Khánh trong việc này.

Ông Khánh là người nắm quyền năm 1964, và là người đã lập Toà án “Cách Mạng” (kiểu Toà án Cải cách ruộng đất của Cộng sản) để lên án và xử tử Ông Cần. Một lý do là trong tình trạng sôi nổi năm 1964, ông Khánh lấy sinh mạng của Ông Cần để tránh tiếng “đư đảng Cần Lao đã nắm lại quyền” (tr. 380). Một lý do khác, theo sự tiết lộ của Ông Bà Trần Trung Dung, là ông Khánh tưởng rằng Ông Cần có dấu một số Mỹ kim lớn (6 triệu), và hứa sẽ mật đưa Ông Cần ra ngoại quốc nếu Ông Cần giao số tiền ấy cho ông. Ông Minh đã thuật lại rất chi tiết vụ này, mà ông đã được nghe chính ông Dung kể trong một dịp gặp ông ở Westminster. (tr. 38)

Về điểm trên đây, tôi xin bổ túc là chính tôi cũng được nghe ông Dung kể chuyện này lúc tôi gặp ông trong một bữa cơm ở nhà cụ

Đại Sứ Nguyễn Duy Toàn ở Huntington Beach, có mặt các ông Đặng Văn Sung, Cao Xuân Vỹ, và vài người khác. Ông Dung tỏ ra rất tức giận về ông Khánh, và mỗi lần nói đến tên ông này, là ông lớn tiếng nói liên tiếp 3-4 lần: “Thằng khốn nạn!”. Thái độ của ông Dung cũng dễ hiểu khi ta biết trong những năm trước ngày đảo chánh ông Khánh đã có thái độ quy lụy đối với Ông Cẩn. (Về chi tiết, xin xem ở đoạn dưới, tr. 15)

2/ Biên cố “Cờ Phật Giáo” và Vụ Đảo chánh 1-11-1963

Hai vụ này quan hệ mật thiết với nhau. Thật ra, nó chỉ là một: Chính phủ Kennedy đã ngầm ngầm gây khuấy động để tạo điều kiện lật đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm, và các Tướng lãnh Việt Nam đã âm mưu với Đại sứ Mỹ Cabot Lodge để làm việc đó. Các khía cạnh của những biến động đưa đến cuộc đảo chính ngày 1-11-1963 đã được một số học giả như giáo sư Hoàng Ngọc Thành, Giáo sư Francis Xavier Winters, hoặc Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc Nghiên Cứu về Vụ Đàn Áp Phật Giáo, làm sáng tỏ với khá nhiều chi tiết trong những năm qua. Ông Minh cũng dành nguyên một chương, dài 116 trang (135-251) để soi sáng vụ mà ông gọi là “Biên Cố Phật Giáo”. Những chuyện biên đó được ông Minh thuật lại rất tường tận, nhưng tưởng khỏi cần lập lại ở đây. Dưới đây tôi chỉ ghi một số dữ kiện ít, hay chưa được biết, đặc biệt là về 3 khía cạnh: 1/ tài liệu chứng minh rõ ràng rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm *không hề có chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo*; 2/ vai trò quyết định của Ông Thích Trí Quang trong các vụ xáo trộn đưa đến vụ đảo chánh; 3/ tư cách của một số tướng lãnh, mà ông gọi là “Ngũ Đại Trụ”.

Về điểm 1, ông Minh đã đưa ra rất nhiều bằng chứng cho thấy rõ rằng Tổng Thống Diệm không những đã không đối xử tệ với Phật Giáo, mà trái lại, Ông đã có nhiều cử chỉ và hành động giúp đỡ tôn giáo này: để dải hành chánh trong việc xây chùa (Chùa Vĩnh Nghiêm), mà ngay cả yểm trợ tài chánh (Chùa Xá Lợi), giúp đỡ các tăng ni đi du học, dự hội nghị Phật Giáo quốc tế và, chuyện ít người biết, đã trực tiếp can thiệp để xúc tiến việc thành lập Hội Phật Giáo Thống Nhất. Riêng Ông Cẩn thì đã giúp đỡ Phật Giáo vùng Huế rất mạnh: cung cấp tài chánh, vật liệu, dụng cụ để xây cất thêm cơ sở, tu bổ lại cơ sở bị hư hại của Chùa Từ Đàm, mà đại diện là Thích Trí Quang; can thiệp với quân đội để cấp vũ đạn đúc chuông, cho mượn xe nhà binh để chuyên chở trong các dịp lễ, v.v... (tr. 145-155)

Đứng đầu những sự kiện lớn liên quan đến vụ Phật Giáo là công điện từ Phủ Tổng Thống cho các Tỉnh về vụ treo cờ, và Dự số 10, năm 1950. Về công điện, Ông Minh đã chép lại nguyên văn bản công điện mà, theo chỉ thị của Tổng Thống, ông Quách Tông Đức, Đồng Lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống đã gửi cho các tỉnh. *Công điện này hoàn toàn không đề cập gì đến vấn đề cấm Phật Giáo treo cờ cả*, và rõ ràng chỉ nhắc tất cả các tôn giáo về cách thức treo cờ quốc gia. (Xin xem nguyên văn bản công điện này ở trang 164). Một điều tối quan trọng là ông Đức được chỉ thị này của Tổng Thống từ tháng 3, năm 1963, nhưng đến ngày 5-5-1963, chỉ hai ngày trước Lễ Phật Đản ông mới chuyển đi. Nhưng trong hai ngày 5-7, những xô xao trong giới Phật Giáo đã được chính ông Tổng Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương đích thân bay ra Huế để giải thích cho các chức sắc Phật Giáo, trong đó có Thích Trí Quang, rõ ràng quyết định này sẽ không thi hành trong dịp Phật Đản. Các giới chức sở tại, trong đó có Ông Cẩn, cũng làm như vậy, và các chức sắc Phật Giáo, trong đó có Thích Trí Quang, đã nói rằng họ hiểu như vậy, và lấy làm bằng lòng.

Về Dự số 10, nó là một quyết định của chính quyền Bảo Đại, được ban ra vào tháng 8, năm 1950. Nó *hoàn toàn không đề cập gì đến Phật Giáo cả*. Nó quy định *thể lệ lập hội*. Ông Minh đã giúp ta thấy rõ vấn đề bằng cách đăng lại toàn văn của Dự này. (xin xem Phụ bản III, trang 490 vkt). Tuy Dự này có từ năm 1950, nhưng trước ngày 7-5-1963, ngày Thích Trí Quang phát động cuộc Phật Giáo đấu tranh chống chính sách kỳ thị Phật Giáo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, không có sự kêu ca nào của các giới Phật Giáo về Dự này cả. Nhưng, như ta biết, sau khi vụ đấu tranh được phát động, Dự này cứ được nhắc đi nhắc lại là bằng chứng của chính sách kỳ thị, và góp phần gây hoang mang trong nhiều giới.

Những người nhắc đi nhắc lại Dự này, dùng việc bãi bỏ nó đi làm một đề tài, và khẩu hiệu, tranh đấu, là nhóm lãnh đạo cuộc tranh đấu, mà đứng đầu là Thích Trí Quang.

Ông này được nhắc nhở đến nhiều trong các tác phẩm trong mấy chục năm qua, và vai trò của ông và nhóm của ông cũng được phân xét một cách dứt khoát trong Thơ của Thượng nghị sĩ Thomas J. Dodge gửi cho ông Chủ Tịch Ủy Ban Nội Vụ của Thượng Viện, và Phúc trình của Phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc (xin xem Phụ bản V, tr. 514 vkt.), nên tưởng không cần nhắc lại ở đây, trừ một điểm.

Các bình luận về Thích Trí Quang phần nhiều nhấn mạnh khía cạnh “đấu tranh chống kỳ thị tôn giáo” của cuộc đấu tranh mà ông ta chủ mưu và điều khiển. Khía cạnh đạo lý ít được đề cập đến. Nhưng vì ông là một nhà tu hành, mà lại thuộc về một tôn giáo mà đạo lý chủ trương “từ bi”, “thiện tâm”, “trọng sự thực”, nên ta có quyền đặt câu hỏi về khía cạnh đạo đức của con người này, nhất là trong các cuộc tiếp xúc với các giới chức chính quyền trong những ngày trước khi vụ phát động đấu tranh đêm 7-5-1963, và sau đó, ông ta đã bất chấp các lời mà ông đã hứa và cam đoan với các ông Bùi Văn Lương, Ngô Đình Cần, và trong cuộc tranh đấu ông và nhóm ông đã dùng nhiều thủ đoạn mà không có tôn giáo nào chấp nhận cả, vì đó là những thủ đoạn ma giáo mà ta quen thấy Cộng sản thường dùng.

Có một điều ít được dư luận biết đến một cách rõ ràng là: phong trào Phật Giáo chống Tổng Thống Diệm có bàn tay của Hà Nội dính vào, và đã được sắp đặt từ năm 1961. Ông Minh đã làm sáng tỏ điểm này, với bằng chứng cụ thể: Tết năm đó Thích Trí Độ từ Hà Nội gửi cho Thích Trí Quang một bức thư chỉ thị phải tìm cách tổ chức một phong trào Phật Giáo chống Tổng Thống Diệm. Điều này đã được ông Hoàng Hữu Khác, thư ký Hội Phật Giáo Thống Nhất Thừa Thiên tiết lộ với một người bạn, nhân dịp ông Minh đến chúc Tết người bạn này, là Cụ Ứng Trạo, một nhân vật xứ Huế. (tr.205) Nhưng, ông Minh nhận xét, vì Đức Cha Ngô Đình Thục đã có “phản ứng quá nóng nảy trong lời nói khi phát biểu về một vài vị lãnh đạo phong trào tranh đấu” và “một số hành động đối kháng phong trào tranh đấu này”, (tr. 160-162) hành động của ông đã rơi vào bẫy “thâm độc” của nhóm tranh đấu quá khích do Thích Trí Quang cầm đầu. Dư luận quốc tế, chỉ được thấy khía cạnh tôn giáo chứ không được thấy khía cạnh chính trị —khía cạnh chính— của cuộc đấu tranh mà Thích Trí Quang phát động chống Chính Quyền Ngô Đình Diệm. Nói một cách khác, Tổng Thống Diệm đã bị dòn vào cái thế mà tiếng Mỹ thường gọi là “a good cause, but a bad case”, mà ta có thể dịch là: “tình ngay, nhưng lý gian”.

Ông Minh cho rằng âm mưu của Thích Trí Quang là một âm mưu “thâm độc”. (tr. 198) Đây là một tính từ bình thường không đi đôi với các nhà tu hành. Nhưng ở đây, nó rất thích hợp với thực tại.

Nhưng muốn tránh chỉ trích rằng phán xét của một người không phải Phật Giáo đồ không có giá trị lắm, ông Minh đã trích một lời phán xét như sau của một người có thẩm quyền hơn. Ông Minh ghi

rằng trong sách *Our Vietnam Nightmare*, tác giả Marguerite Higgins thuật lại lời nói của một cao tăng thuộc Chùa Xá Lợi về “sự lộng hành” của Thích Trí Quang như sau: “Chúng tôi cảm thấy ông ta đã phản bội Phật Giáo... Đức Phật dạy chống lại hận thù... Nhưng Thích Trí Quang đang làm công việc khai động hận thù lên... Chiến dịch hận thù của Trí Quang chống lại giới luật của Đức Thích Ca... Đức Thích Ca cũng dạy rằng: Sự thật là đức tính cao quý nhất. Nhưng Trí Quang truyền bá sự phi báng cũng rộng rãi như truyền bá hận thù.” (tr. 227-228)

Ông Minh cũng trích một lời tuyên bố của Hoà Thượng Thích Tâm Châu về sự “rõ ràng như thanh thiên bạch nhật” sự kiện “nhóm Ấn Quang được sự hỗ trợ của Cộng Sản nằm vùng”, và ngày 30-4-1975, “bộ mặt thân Cộng sản” của họ “đã lộ rõ nguyên hình, không còn ai mà không rõ” (tr. 230-231). Hoà Thượng nói nhóm Ấn Quang [mà lãnh tụ là Thích Trí Quang] là một nhóm “Vừa đánh trống, vừa ăn cướp, vừa ăn cướp vừa la làng. Cây đồng, lấy thịt đè người, mặc sức vu khống, thao túng không coi nhân quả là chi cả.” (tr. 130-131) “Phản bội Phật Giáo” “truyền bá hận thù”, “phi báng” “chống lại giới luật của Đức Thích Ca”, “vu khống”, “ăn cướp”: những tính từ không đi đôi tỷ nào cả với một nhà tu hành chân chính.

Thích Trí Quang đã hành động trái với đạo lý Phật Giáo, một đạo lý cổ truyền của Việt Nam. Nhưng trong vụ đảo chính lại còn một số người cũng hành động trái với một đạo lý cổ truyền khác của Việt Nam, đạo lý Khổng Giáo. Đó là nhóm mà ông Minh gọi là “Ngũ Đại Trụ”. Ông Minh dùng danh từ “Ngũ Đại Trụ” (5 cột trụ lớn) để chỉ 5 nhân vật đã đóng vai chính trong vụ đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963: các Tướng Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính, Nguyễn Khánh, và Đỗ Mậu. Ông Minh đã tiết lộ một sự kiện mà ít người được biết: 4 ông Đôn, Khiêm, Đính, Mậu là đảng viên Đảng Cần Lao, mà Cần Lao hạng nặng cân. Các ông Đính, Mậu đã “huyết thệ” trung thành với Ông Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Nhân Vị. Họ đã được Ông Diệm tín nhiệm, cất nhắc, và ban cho rất nhiều ân huệ. Nhưng họ đã nuốt lời thề, phản bội, cùng nhau âm mưu lật đổ Ông và sát hại Ông. Phần khác, sau cuộc đảo chính, trong thời gian họ cầm quyền, rất nhiều người vì ra sức phục vụ xứ sở dưới chính quyền Ngô Đình Diệm, đã bị bắt bớ, giam cầm, uy hiếp, sa thải, trừng phạt vì được coi như là “Cần Lao ác ôn”, “tay sai của Nhu-Diệm”. Trong văn hoá Việt Nam và Á Đông,

“huyết thệ” là một cử chỉ thiêng liêng. Nhưng đối với họ, danh từ này không có nghĩa lý gì cả.

Ông Minh đã đưa ra nhiều chi tiết cho ta thấy tư cách của những người kể trên. Riêng về Tướng Nguyễn Khánh, tuy không thuộc Đảng Cần Lao, nhưng về lý lịch và hành vi, cũng như mấy ông kia, nên được ông Minh liệt vào nhóm “Ngũ Đại Trụ”.

Qua những tiết lộ của ông Minh, ta mới biết rằng Tướng Đôn đã tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao vào đầu năm 1961 dưới sự chủ trì của Ông Cẩn; Tướng Đính tháng 9 năm 1956; Tướng Khiêm lại sớm hơn: giữa năm 1955; và Tướng Mậu còn sớm hơn nữa: năm 1954. Một điều rất cần được ghi ở đây là tại Đại Hội Đảng toàn Quân tổ chức tại Nha Trang cuối năm 1955, tất cả các đảng viên dự Đại Hội, đã “huyết thệ” “tuyệt đối trung thành” với Đảng và Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm, dưới sự chứng kiến của Ông Ngô Đình Nhu. (tr. 430, 436-437)

Một điều khác cần ghi là các ông “Ngũ Đại Trụ” đã có những cử chỉ/hành vi rõ ràng là để được ưu ái của anh em Họ Ngô. Ông Đôn xin được dạy đạo và rửa tội, nhưng linh mục đương nhiệm, linh mục Đỗ Bá Ái, Giám Đốc Tuyên Úy Công Giáo Quân Khu II, từ chối, khuyên ông ấy “không nên hấp tấp quá” (tr. 335). Ông Khiêm cũng có lần xin được học và theo đạo Công Giáo nhưng bị không ai khác là Ông Ngô Đình Nhu ngăn cản, vì “người cực lực chống các viên chức cao cấp trong chính quyền và quân đội thời bấy giờ xin vào Công Giáo” lại chính là ông! (tr. 355)

Ông Đính là người đã tuyên bố “hết sức vinh dự” được hướng dẫn đoàn đại biểu Đảng Cần Lao tại Cao Nguyên về dự Đại Hội Đảng Toàn Quân tổ chức tại Nha Trang năm 1955. Lúc đó ông mới là một đảng viên dự bị. (tr. 436). Tại Đại Hội này ông là một trong những người đã “huyết thệ” trung thành tuyệt đối với Đảng và lãnh tụ Ngô Đình Diệm. Năm sau, ông được ông Cẩn đặc cách cho nhập Đảng, và nhận làm chủ buổi lễ tuyên thệ của ông ấy. Và Ông Cẩn cũng là người xin Tổng Thống Diệm cho ông được thăng hàm Tướng.

Về ông Đỗ Mậu thì từ là lính khố xanh trong quân đội Pháp, ông đã từng được cất nhắc lên đến quân hàm Đại Tá, và Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội. Ông là người đã mang danh hiệu “Đỗ Máu” vì năm 1954, trong thời gian ông được Ông Diệm (lúc đó còn là Thủ

Tướng) giao cho chức Chỉ huy trưởng Phân khu Duyên Hải, đã áp dụng “một đường lối quá cứng rắn với những đảng phái, lực lượng, chống lại Thủ Tướng Diệm lúc bấy giờ”. (tr. 362) Ông đã đọc một bài diễn văn có câu kết: “Khí thiêng sông núi đã hun đúc nên con người Ngô Đình Diệm” (tr. 363). Trong thời gian ông làm Giám đốc Nha An Ninh Quân Đội, ông đã buộc nhân viên dưới quyền ông trong mọi phúc trình lên Tổng Thống phải có câu: kính xin Tổng Thống nhận nơi đây “lòng tri ân và sự trung thành tuyệt đối của Nha chúng tôi”. (tr. 366)

Riêng về ông Khánh, thì tuy ông ta được liệt vào đám “Ngũ Đại Trụ”, ông không phải là đảng viên Đảng Cần Lao, nhưng hành vi của ông không khác gì hành vi “vui vẻ, kính cẩn” của mấy ông kia. Ông Minh thuật rằng năm 1956, khi ông được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Sư đoàn I Bộ Binh, ông xin vào chào Ông Cần, nhưng không được ông này tiếp.

“từ hôm sau, mỗi buổi sáng, đầu giờ làm việc, với quân phục chỉnh tề, ông tự lái xe đến đậu ngay trước nhà Ông Cần. Sau khi yêu cầu nhân viên gác cổng trình ông Cần xin cho ông gặp, ông trở vào ngồi trong xe đợi hàng tiếng đồng hồ. Không được gặp, sáng hôm sau ông lại đến. Và cứ như vậy ba bốn buổi sáng liền.” (tr. 356)

Một cử chỉ khác: ngày 30-10-1963, hai ngày trước đảo chánh, ông tự lái máy bay từ Cao Nguyên ra Huế, mang một bó hoa, để chúc mừng sinh nhật của Ông Cần, hội họp rất vui vẻ với ông này, và được ông tặng một chai sâm banh với tré để nhậu với Tướng Trí.

Nhưng ngày 1-11-1963 “Ngũ Đại Trụ” đã xử trí thế nào với anh em Họ Ngô, là chuyện được mọi người đều biết. Và đối với những viên chức, quân nhân đã ráng sức phục vụ Đế Nhứt Cộng Hòa, thì họ lại tố cáo là “Cần Lao ác ôn”, “gia nô của Họ Ngô”, và bắt bớ, giam cầm, tù tội, trừng phạt. Mà chính Tướng Khánh đã ký một sắc lệnh hạ cấp bậc, giải nhiệm, các công chức “đã được thăng thưởng quá lạm trong thời Ngô Triều” (tr. 359), và nếu không có Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên can ngăn, ông đã ký sắc lệnh đặt Đảng Cần Lao ngoài vòng pháp luật, (tr. 225) mà hậu quả là làm tan rã ngay bộ máy hành chánh và quân sự của Miền Nam Việt Nam, vì rất nhiều sĩ quan, công chức đã gia nhập Cần Lao trước năm 1963. Về cách cư xử trong vụ xử tử Ông Cần thì đã nói chi tiết ở trên. (xem tr. 11)

Tư cách và cách cư xử của “Ngũ Đại Trụ”, và một số tướng lãnh khác nữa đáng được liệt vào loại này, đã được ông Minh phê phán dưới khía cạnh vô “liêm sĩ”, bất trọng “danh dự” (tr. 361). Ông Trần Văn Hương đã phê phán gọn gàng hơn nữa với mấy chữ: “họ bất tài, không có đạo đức”. (tr. 345)

3/ Ông Ngô Đình Nhu và Đảng Cần Lao Nhân Vị

Trong *Hồi ức* ông Minh đã dành một chương để nói về Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng. Chương này (Chương V) gồm 2 phần: Phần 1 nói về lý lịch của Ông Ngô Đình Nhu và tư tưởng của Ông. Phần 2 nói về tổ chức và thực trạng của Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng. Ngoài ra, ở Phụ bản VI (tr. 521), ông đã đăng lại nguyên văn một bài của Ông Nhu nói về “lược đồ” cải tổ xã hội mà Ông đề xướng. Đây là một tài liệu rất quý, vì rất hiếm. Sáng kiến của ông Minh đã giúp soi sáng một khía cạnh rất ít được biết đến, và nhất là ít được hiểu rõ; triết lý căn bản và những ước mơ của anh em Họ Ngô.

Trong những năm Ông Diệm cầm quyền và sau vụ đảo chính 1963, “Cần Lao” là một danh từ mà hầu hết ai ở Miền Nam cũng có nghe nói đến, với những hàm ý không tốt đẹp. “Cần Lao” thường được hiểu như là một Đảng bí mật của anh em Ông Diệm lập ra để thi hành “gia đình trị” —lũng đoạn bộ máy Quốc Gia, nhất là Quân Đội, và kèm kẹp uy hiếp đối lập—. “Cách Mạng” rất ít khi được nhắc đến. Còn “Nhân Vị” thì tuy được nghe nói đến thường hơn, nhưng rất ít người thực sự hiểu nó muốn nói gì. Thêm nữa, sự thành lập của một trung tâm Nhân Vị ở Vĩnh Long, giáo phận của Đức Cha Thục, lại gây ngộ nhận rằng Nhân Vị là một phương thức truyền bá hình của Công Giáo.

Trong số những người không hiểu rõ về Nhân Vị có chính tôi. Trong công việc hằng ngày tôi gặp danh từ “Nhân Vị” này rất thường, nhưng mỗi lần phải dịch nó ra tiếng Anh là tôi lúng túng. Lý do là các diễn văn của Tổng Thống Diệm và trả lời câu hỏi của ký giả ngoại quốc phỏng vấn Ông đều do Ông Nhu thảo. Nhưng Ông Nhu thường viết bằng tiếng Pháp, và tôi có nhiệm vụ dịch ra tiếng Anh. Ông Nhu dùng chữ Pháp “Personnalisme”. Dịch ra tiếng Việt thì không có vấn đề, vì danh từ “Nhân Vị” đã có sẵn. Nhưng dịch ra tiếng Anh thì thật là lồi thối, vì tiếng Anh “Personal” có nghĩa là “Riêng/Tư” và như vậy “Personalism” là “Chủ nghĩa riêng tư”, với

hàm ý là lấy riêng, tư làm trọng! Cho nên tôi bắt buộc phải dùng cụm từ “The doctrine of the respect for human values”. Dịch như vậy sát nghĩa “Nhân Vị” hơn, nhưng nó lòng thông, và không đúng hẳn.

Nay, đọc những văn bản của những bài thuyết trình của Ông Nhu về “Cần Lao Nhân Vị” mà ông Minh đã đăng ra trong *Hồi Úc*, tôi mới thấy rõ ràng là Ông Nhu muốn gì. Mà cái mà Ông ấy muốn vừa cao cả và thâm thúy, vừa thiết thực và hợp thời, đáng phục, đáng kính.

Khung cảnh giới hạn của bài này không cho phép bàn đến tất cả những khía cạnh của tư tưởng và chủ trương của Ông Nhu. Ở đây tôi chỉ đề cập đến một số khía cạnh ít được biết đến: căn bản của tư tưởng của Ông Nhu, những mục tiêu lớn —ước mơ— của Ông, những chướng ngại mà ông gặp phải.

Tên tuổi Ông Nhu dính liền với danh xưng “Cần Lao”, hay đúng hơn, “Đảng Cần Lao”, nhưng những bài diễn thuyết đã làm cho Ông nổi tiếng trong những năm ông bắt đầu xuất hiện trên sân khấu chính trị Việt Nam, 1949-1950, cho thấy rằng, về căn bản, tư tưởng của ông là một tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nhưng không phải loại Mác-Lê, mà là loại nhân bản. Trong hai bài diễn thuyết của Ông, nếu bài đầu mang tít là “Chủ Nghĩa Nhân Vị”, thì bài thứ hai mang tít rất rõ ràng là “Học Thuyết Xã Hội Chủ Nghĩa Nhân Bản”. Phần khác, mỗi ưu tư lớn của Ông về xã hội là các lớp lao động và nông dân. Nó biểu lộ trong sự kiện đảng mà Ông lập trong giai đoạn đầu mang danh là “Đảng Công Nông”. Danh từ này sau được đổi thành “Đảng Cần Lao” để tránh lầm lẫn với Cộng sản, vì “Đảng Công Nông” cũng là tên sơ khởi của Cộng Sản Xô Viết”. Như sẽ thấy ở đoạn sau, ưu tư về nông dân sẽ thể hiện trong khái niệm Ấp Chiến Lược trong thập niên 1960. Phần khác, tờ báo mà ông lập ra năm 1952 để phổ biến tư tưởng của ông mang tên là *Xã Hội*, và Ông là người sáng lập ra Liên Đoàn Lao Công.

Trong những năm Tổng Thống Diệm nắm chính quyền danh từ “Nhân Vị” được dùng thường trong khi danh từ “Xã Hội” không được đề cập đến, có thể là để tránh ngộ nhận từ phía người Mỹ, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng tư tưởng của Ông Nhu là một tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Tôi được bằng chứng về điểm này trong hai tháng cuối cùng của chế độ. Lúc đó, Ông Nhu rất bận rộn vì phải đương

đâu với những rối loạn liên quan với vụ “tranh đấu” của Phật Giáo, vừa phải lo đề phòng về đảo chánh, nên không có thì giờ thảo trả lời phỏng vấn của báo chí cho Tổng Thống, nên Ông giao việc đó cho tôi. Và ngay cả phỏng vấn của chính Ông nữa. Trong một phỏng vấn này, về nội dung, cũng như ngôn ngữ, tôi đứng hẳn về quan điểm xã hội chủ nghĩa, nhưng Ông không sửa đổi, không phê bình gì cả, hạ bút ký chấp nhận nguyên văn bản thảo của tôi.

Về những mục tiêu lớn của Ông —những ước mơ mà anh em Họ Ngô hằng nuôi dưỡng, theo lời căn dặn của Cụ Ngô Đình Khả, thân phụ họ— thì đã được trình bày trong hai bài thuyết giảng của ông trong buổi sinh hoạt về Ấp Chiến Lược khoá VIII dành cho các giáo sư đại học và trung học ngày 8-1-1963 tại Thị Nghè, và cuộc nói chuyện với cán bộ xây dựng Ấp Chiến Lược tại một tỉnh miền Trung vào đầu năm 1963. Nguyên văn của những giải thích này được ông Minh ghi lại đầy đủ (xin xem các trang 419 và kt).

Về phần triết lý, những ước mơ trên đây nhằm tìm ra một Ý thức hệ để đối chọi lại với Ý thức hệ Cộng sản. Ông Nhu phải mất 20 năm —1930-1950— mới tìm được một Ý thức hệ thích hợp. Nó là một Ý thức hệ Toàn diện; bao gồm cả đời sống Nội tại, đời sống Cộng đồng, và đời sống Siêu nhiên để hướng đến Toàn Chân, Toàn Thiện, Toàn Mỹ.

Về phần xây dựng xã hội, thuyết Nhân Vị của Ông nhằm xây dựng một xã hội dựa trên ba nguyên tắc “Tam Túc” (ba tự túc): 1/Tự túc trong tất cả các lãnh vực chính trị, xã hội, quân sự, tinh thần và tư tưởng... 2/ Tự túc về Tổ chức và Tiếp liệu để khỏi bị lệ thuộc; 3/ Tự túc về kỹ thuật để phát huy khả năng chiến đấu, nhân lực sẵn có.

Ba Tự túc trên đi đôi với ba Tự giác: 1/Cảnh giác về Sức khoẻ (thể xác); 2/ Cảnh giác về Đạo đức và Tác phong đạo đức; 3/ Cảnh giác về Trí tuệ, phát huy tối đa óc sáng tạo, sáng tác, khả năng chiến đấu của nhân vật lực sẵn có.

Tam Giác và Tam Túc trên đây hợp lại thành một chủ nghĩa, Tam Nhân Chủ Nghĩa. (Danh từ này làm ta nhớ đến Tam Dân Chủ Nghĩa của lãnh tụ cách mạng Trung Quốc danh tiếng, Tôn Dật Tiên). Trong chủ nghĩa Tam Nhân này, ba thực tại của con người đều được chú tâm: Bề sâu (tự do, trách nhiệm, suy luận, tình thương); Bề Rộng (liên đới với người khác trong cộng đồng); Bề cao (phản tương ứng với thiêng liêng).

Về phương diện thực tiễn, đời sống hàng ngày, chủ nghĩa Tam Nhân biểu lộ trong khẩu hiệu: “Nhân Vị, Cộng Đồng, Đồng Tiến”. Ở đây cần nhấn mạnh rằng quan niệm Tam Nhân này là triết lý đã được cụ thể hoá trong khái niệm Ấp Chiến Lược và áp dụng rộng rãi khi Ấp Chiến Lược được coi như là Quốc Sách, một chiến lược quy mô để ngăn chặn làn sóng Cộng Sản.

Về chướng ngại ngăn cản sự áp dụng của Ý thức Hệ Nhân Vị, thì chính Ông Nhu công nhận là với căn bản triết lý mà Ông chủ trương:

“không ít thì nhiều cũng có va chạm vào các tôn giáo, tín ngưỡng cổ truyền của xứ sở. Nhưng chuyện phải dứt khoát với một số thái độ, thái độ triết lý, tín ngưỡng hay cảm tình cổ truyền là một cuộc cách mạng phải làm, không làm không được... mình không đi sâu vào đạo giáo nào, nhưng có một số thái độ phản tiến bộ thì mình phải biến đổi... Đó là nhiệm vụ đối với dân tộc, mình không thể đào ngũ, không thể trốn tránh...”

Khi nói về Đảng Cần Lao, ít người kèm theo hai chữ “Nhân Vị”, nhưng lại ít người hơn nữa để ý hai chữ “Cách Mạng” và không thấy rằng tên của Đảng đó là “Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng”. Như đã ghi ở trên, Ông Nhu nhấn mạnh nhu cầu phải làm một cuộc Cách Mạng. Ông giải thích như sau:

“Chúng ta phải nhìn nhận rằng có một số thái độ cổ truyền không thể tồn tại, vì nó chặn bước tiến của dân tộc. Từ sự nhìn nhận ấy, ta ý thức được nhu cầu thanh toán bằng cách này hay cách khác, một số thái độ làm cản trở bước tiến của dân tộc, bước tiến nhằm phục vụ con người trong xã hội”

“Muốn phục vụ con người trong xã hội thì con người đó phải tiến, xã hội đó phải tiến. Nhưng xã hội chỉ có thể tiến được với những con người có ý thức nhiệm vụ. Cho nên, trên nguyên tắc, chúng ta phải nhìn nhận rằng phải có một ý thức hệ tiến bộ” (tr. 421)

Hơn nửa thế kỷ trước, Ông Nhu đã đặt ngón tay lên một vấn đề mà gần đây, một số người Việt, càng ngày càng đông, thuộc nhiều giới —nhân vật chính trị, học giả thuộc về các ngành chính trị học, xã hội học, kinh tế học, sử học...— suy tầm, nghiên cứu về căn

nguyên của tình trạng nghèo nàn chậm tiến của Việt Nam, và giải pháp để thoát khỏi tình trạng này, đi đến một sự đồng thuận rộng rãi. Muốn cho Việt Nam phát triển và tiến lên thì phải cải tạo xã hội, mà cải tạo xã hội thực sự phải có những thay đổi lớn, một cuộc Cách Mạng, về văn hoá: thay đổi những giá trị, nét tụt cổ truyền ngăn chặn bước tiến của dân tộc

Những cải tổ cần thiết trên đây chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện hoà bình và ổn định. Ở Miền Nam Việt Nam, trong những năm sau hiệp định Genève, trong thời gian Ông Diệm nắm chính quyền, các điều kiện trên không có. Chính phủ Ông Diệm phải dồn hầu hết thì giờ tâm trí, tài nguyên vào việc chống phá hoại, rồi xâm lăng Cộng sản. Ông Minh nói anh em ông Diệm đã là nạn nhân của hai thế lực siêu cường: họ “bị hòng súng từ cả hai phía nhắm bắn” (tr. 442). Thật ra, thì họ là nạn nhân của 3 lực lượng. Trong những năm cuối họ lại phải đương đầu thêm với một lực lượng mới: những phần tử phong kiến Việt Nam liên kết với những phần tử thực dân Mỹ. Trong thời gian gần ngày bị sát hại, Ông Nhu thường nói đến việc chính phủ phải đối đầu với ba lực lượng —phong kiến, cộng sản, và thực dân— và ông đã đưa ra khẩu hiệu: “phản phong, phản thực, phản cộng” để tả cuộc đấu tranh mà chính phủ đang phải làm. Nhưng, cuối cùng, trong khi họ phải đương đầu với hai lực lượng thực dân và Cộng sản, thì họ bị lực lượng phong kiến đâm sau lưng.

Ông Minh làm sáng tỏ một sự kiện khác, không kém phần quan trọng, trong Phần 2 của Chương V, khi ông nói về thực trạng của Đảng Cần Lao Nhân Vị. Như ông nhấn mạnh, Đảng được sáng lập năm 1950, nhưng đầu năm 1954 Đảng mới bắt đầu phát triển mạnh. Điều này dễ hiểu: lúc đó có tin rằng Ông Ngô Đình Diệm sắp chấp chính. Trong những năm đầu, 1956-1960, Đảng sinh hoạt đều đặn nội dung sinh hoạt có chất lượng. Nhưng từ năm 1961 sinh hoạt của Đảng mỗi ngày mỗi lỏng lẻo, vì lãnh đạo quá bận rộn về việc phải đối phó với những khó khăn do thời cuộc gây ra. Hậu quả là việc kết nạp đảng viên thiếu thận trọng, tạo cơ hội cho bọn “thời cơ chủ nghĩa” lọt vào Đảng, lợi dụng danh nghĩa Đảng, mưu lợi cá nhân, gây bất mãn với chế độ.

Ở trên đã có nói đến trường hợp tên Duyên, ở Miền Trung, dùng danh nghĩa của Ông Cần để làm những điều gây tiếng xấu cho Đảng. Ông Minh đề cập đến trường hợp của tên Phan Ngọc Các, cũng lợi

dụng danh nghĩa Ông Cần, xưng là đại diện của Ông, làm nhiều việc gây tai tiếng cho Ông và cho chế độ ở Miền Nam. (tr. 433)

Trên đây chỉ là những trường hợp gây chấn động, nhưng chắc chắn là còn rất nhiều trường hợp khác, không được đưa ra ánh sáng, vì các nạn nhân muốn tránh rầy rà, nên giữ im lặng. Riêng tôi, như đã nói ở trên, cũng đã bị kẻ dùng tên các Ông Cần hay Đức Cha Thục để hù. (xin xem trang 8).

Ông Minh cho biết rằng năm 1961, vì tình trạng trên, Ông Nhu muốn tổ chức lại Đảng. Nhưng tình hình chuyển biến quá mau, kế hoạch không thực hiện được. Tưởng nên nhắc ở đây rằng năm 1961 là năm Hà Nội công khai và đẩy mạnh cuộc xâm nhập tấn công Miền Nam sau khi Chính Phủ Kennedy quyết định dẹp bỏ Hiệp Ước Phòng Thủ Đông Nam Á, và chấp nhận Hiệp Định về Lào, mở cửa tung cho quân đội Bắc Việt tự do ào ạt xua quân vào Miền Nam. Họ lại bí mật thăm dò xem Hà Nội có chấp nhận cho Miền Nam một giải pháp tương tự với giải pháp Lào không. Như vậy, họ đã gián tiếp bắn tin cho Hà Nội biết là Mỹ sẽ không dốc toàn lực giữ Miền Nam Việt Nam, gián tiếp thúc Hà Nội đẩy mạnh cuộc xâm lăng của họ. Đồng thời, viên chức Mỹ xì xỏ rằng họ không ủng hộ chính phủ Ngô Đình Diệm nữa, nghĩa là cho họ biết rằng chương ngại lớn nhất của sự xâm chiếm miền Nam sẽ không còn nữa.

Về việc Ông Nhu có một kế hoạch dùng người gồm hai giai đoạn thì Ông có tiết lộ như vậy. Trong *Hồi Ưc*, ông Minh kể chuyện một ông bạn đưa cho đọc *Hồi Ký* của ông Đỗ Mậu. Ông hỏi ông bạn đọc chưa, thì được trả lời: Đọc rồi. Khi được hỏi lại: Thấy thế nào? Ông ấy nói: ông Diệm có một tội lớn nhất mà không được ông Mậu nói tới: Đó là “tội đã dùng và tin những người như ông Đỗ Mậu...” (tr. 364). Thật ra thì nó không như vậy, ít nhất là về phần Ông Nhu. Điều này tôi được biết vì một hôm, vào khoảng giữa tháng 9, 1963, khi tôi vào trình việc, nghe Ông Nhu căn nhắc gì đó về ông Mậu. Tôi hỏi: vậy tại sao Ông lại dùng những người như vậy? Ông trả lời: “trong giai đoạn đầu [nghĩa là 1954-1956], ai cũng sợ, không dám xông pha. Có những người như vậy, la lối, làm cho mọi người bớt sợ, phải dùng họ. Nhưng nay đến giai đoạn khác, cần những người như toa” (Ông dùng chữ Pháp “toi” = anh). Nhưng Ông Nhu đã gặp nạn ngày 1-11-1963, và giai đoạn thứ hai, giai đoạn sắp xếp lại nhân sự và tổ chức để xây dựng và thực hiện ước mơ cải tạo xã hội theo chủ trương Nhân Vị của Ông đã không thực hiện được.

Đó là một sự mất mát lớn cho Việt Nam. Nhận xét này, ngày nay, ai nghiên cứu vấn đề một cách khách quan cũng phải công nhận, vì những diễn biến quốc tế và Việt Nam, và những tiết lộ càng ngày càng nhiều, từ nhiều phía, về giai đoạn Việt Nam Cộng Hoà I, đã làm sáng tỏ các vấn đề và buộc phải đi đến một kết luận như vậy.

III – Tóm lược

Hậu quả của các biến cố kể trên là sau đảo chính tình hình Miền Nam rối loạn. Vì nhiều nguyên do: 1/ tương lãnh đảo chánh tranh dành nhau quyền chức làm tê liệt bộ máy Quốc Gia, nhưt là các cơ quan an ninh và quân đội; 2/ nhóm “tranh đấu” của Thích Trí Quang tiếp tục khuấy động Phật Tử để gây áp lực với chính quyền; 3/Cộng sản rảnh tay khai thác tối đa tình hình để khuấy động thêm rối loạn nhằm gây xung đột giữa các tôn giáo để tạo một tình trạng càng rối loạn hơn nữa.

Những hậu quả trên đây đã được Tổng Thống Diệm tiên đoán rõ ràng. Đại sứ Hà Vĩnh Phương ở Đức là một nhân chứng về điều này. Ông kể về một buổi hội kiến với Tổng Thống Diệm, trong dịp được gọi về Sài Gòn để nhận chỉ thị Tổng Thống trước khi hội nhập Phái đoàn Việt Nam ở Liên Hiệp Quốc do Giáo sư Bửu Hội cầm đầu. Ông nói như sau:

“Trong đêm thanh vắng, từ Dinh Độc Lập nhìn xuống con đường Thống Nhất rất yên tĩnh – tuy Sài Gòn lúc ấy xôn xao về nhiều tin đảo chính. Người ngồi đó, trầm lặng trên ghế xích đu, nói với tôi ngồi bên cạnh: ...Anh biết không, tui còn ngồi đây thì yên tĩnh như rứa đó. Tui mà không còn đây nữa thì nước mình rồi bị thảm họa thập nhị sứ quân” (Xin xem Phụ bản IV, tr. 507)

Ông Nhu cũng có lời cảnh báo tương tự, khi được hỏi về cuộc tranh đấu của Phật Giáo, trong dịp nói chuyện với cán bộ Ấp Chiến Lược tại Suối Lò Ô ngày 23-7-1963:

“Theo ý tôi thì cái Chính phủ này, cái Chính phủ cừ như này, là Chính phủ duy nhất có thể bảo đảm sự sinh tồn và thống nhất của Tổng Hội Phật Giáo. Chính phủ này là Chính phủ mà Tổng Hội Phật Giáo ưng lật đi, chính Chính phủ này mới bảo đảm sự sống còn cho anh em ở bên Tổng Hội Phật Giáo.

Nếu Chính phủ này mất mà Chính phủ khác lên thì không biết sẽ xảy ra chuyện gì đối với Phật Giáo.” (tr. 160)

Nhưng những quan điểm trên đây là quan điểm của người nạn nhân có thể bị cho rằng chủ quan, không có tính cách thuyết phục bằng quan điểm của địch nhân —phe Cộng sản— hay chính của những tác nhân —các tướng lãnh đảo chính—.

Về tuyên bố của các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam thì có dịp tường thuật cũng nhân dịp ngày lễ này cách đây hai năm (2002), tưởng khỏi cần nói lại hết. Tôi chỉ trích dẫn lời của Hồ Chí Minh và Nguyễn Hữu Thọ. Hồ Chí Minh tuyên bố “không ngờ tụi Mỹ ngu đến thế”, và Nguyễn Hữu Thọ tuyên bố sự lật đổ Ông Ngô Đình Diệm là “một món quà trên Trời rớt xuống mà chúng tôi không thể tưởng tượng.” (Xin xem bài: “Phe Cộng Sản nói gì về Tổng Thống Ngô Đình Diệm” 2002)

Về phần những người đảo chính, ông Minh đã ghi lại được những lời thú nhận của các “Ngũ Đại Trụ”:

Tướng Tôn Thất Đính đã thú nhận (trong tự truyện *20 Năm Binh Nghiệp*, 1998) rằng cuộc “hành quân 1-11-1963” là “một thảm bại lớn lao đối với lịch sử...” ai cũng đều thất bại kể cả Hoa Kỳ là nước đồng minh, khi kẻ thù từ quốc tế đến quốc nội bắt đầu vỗ tay cho tương lai chiến thắng của chủ nghĩa Cộng sản” (tr. 343). Ít nhất là ông Đính đã hiểu rằng ông đã tự đảo chính ông!

Về Tướng Đỗ Mậu thì ông Minh kể rằng trong một dịp đi coi bói, năm 1964, chỉ một năm sau cuộc đảo chánh, ông gặp ông ấy, và được nghe ông ấy thốt ra lời sau đây: “Moa vừa đại diện Chính Phủ dự lễ Phật Đản ngoài bến Bạch Đằng về. Chán quá đi! Đã không hơn mà còn thua ngày trước nữa! Biết như ri thì moa uống công lạy thẳng Đính hai lạy để mãn đảo chánh mãn chi!” (tr. 365). Rất đúng. nếu ông Mậu có đủ minh mẫn để “biết như ri” thì ông sẽ còn ngồi ở chức rất quan trọng dài dài, là chức Giám Đốc An Ninh Quân Đội, thay vì phải làm một kẻ lưu vong không chức, không quyền. Không biết ông thầy bói có nói như vậy với ông không.

Nhưng câu chuyện có ý nghĩa nhất được ông Minh ghi lại là chuyện của Trung Tá N. đã làm việc dưới quyền Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa. Lúc bị tù ở một trại học tập cộng sản, ông được đọc một quyển sách của Cộng sản nói lên sự kinh ngạc của họ về chính sách

chống cộng hữu hiệu của Miền Nam. Sau khi đọc sách đó, ông ta (lúc làm việc với Đại Tá Nghĩa là Trung úy) đến gặp Đại Tá Nghĩa đang bị giam cùng trại. Và sau đây là cuộc đối đáp giữa hai người:

- Thưa ông thầy, nhiều người nói ông thầy có nhúng tay vào việc giết Tổng Thống Diệm và ông Nhu, chuyện ấy có đúng không?
- Không đúng. Tôi không có nhúng tay vào việc này.
- Vậy ai giết các ông ấy ông thầy có biết không?
- Tôi biết, nhưng lúc này chưa nói ra được.
- Đến bao giờ ông thầy mới nói ra được?
- Có ngày tôi sẽ nói cho mọi người biết.
- Xin lỗi ông thầy, anh giờ cuốn sách lên, chế độ các ông ấy chống Cộng hữu hiệu như vậy mà giết người ta đi, để bây giờ vô ngôi tù cả đám như thế này. Tất cả những đũa dính vào vụ này, từ thằng Dương Văn Minh trở xuống, tôi gọi bằng “thằng” hết!” (tr. 93-94)

Lời thú nhận trên sẽ đầy đủ hơn nếu cụm từ “ngôi tù cả đám” được thay thế bằng cụm từ “ngôi tù và vong Quốc cả đám”.

Câu chuyện trên có thể coi như tóm lược về vụ đảo chính ngày 1-11-1963 và sự sát hại anh em Họ Ngô. Vụ sát hại đó đã làm cho Ước Mơ của Họ —Ước Mơ xây dựng một Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa Nhân Bản cho dân tộc Việt Nam—, không đạt được. Đồng thời nó đã đẩy hàng vạn người vào trại tập trung Cộng sản, và hàng triệu người chạy ra ngoại quốc mang mặc cảm “vong Quốc”. Trong số này có cả những Tướng và nhân vật, chính khách chủ trương, tham dự, và hoan hô đảo chính ngày 1-11-1963.

Ước mơ mà anh em Họ Ngô chưa đạt có thể thâm tóm trong “Lược đồ” về cải tổ xã hội mà Ông Nhu đã trình bày ngay từ năm 1952, trong số ra mắt của Tạp Chí *Xã Hội*. Trong “Lược đồ” này, Ông Nhu nói rõ căn bản lý thuyết xã hội nhân vị mà ông đề xướng là: **“Tôn trọng nhân cách và thiết lập ích chung”**. Ông giải thích:

“Hai nguyên tắc không thể tách biệt này, chính cũng là những nguyên tắc tự nhiên, di sản xưa của nhân loại. Điều hoà được tự do cốt yếu của con người với quyền lợi của đoàn thể thì sẽ giải quyết được vấn đề xã hội. Hai nguyên tắc ấy thực hiện trong lịch sử không được quân bình, một phần lớn

do quan niệm tuyệt đối của phái tự do tư bản và phái tập sản đối với quyền sở hữu. Cần phải cải hoá quan niệm ấy để nhân cách được tôn trọng, đồng thời hạnh phúc chung được thành tựu. Một khi quan niệm về quyền sở hữu đã được cải tổ thì cơ cấu của cả một nền văn minh sẽ phải biến hoá theo.” (Xin xem Phụ bản VI, tr. 521 vkt.)

Trong hơn một thế kỷ qua, không biết bao nhiêu người Việt ưu tư về dân tộc đã ra sức tìm hiểu thế giới quanh họ, thực trạng của Việt Nam, và vạch ra một con đường thích hợp để đưa dân tộc Việt Nam ra khỏi cảnh nghèo khổ, áp bức. Dần dần, và trong những thập niên gần đây, giữa những người trên đây có một sự đồng thuận càng ngày càng rộng, về căn nguyên của tình trạng chậm tiến và thiếu tự do của dân Việt, và giải pháp thích hợp để ra khỏi tình trạng này. Dưới những danh xưng, khẩu hiệu và trình bày khác nhau, những giải pháp họ đề nghị căn bản vẫn là xây dựng một xã hội **“Tôn trọng nhân cách và thiết lập lợi ích chung”**. Đó là ước mơ của anh em Họ Ngô. Vì họ thấy rõ đó là ước mơ chung của dân Việt Nam.

Ottawa,

Tháng 10, 2004

Viết vào dịp Lễ Tưởng Niệm

Tổng Thống Ngô Đình Diệm

